

Bản án số: 632/2018/DS-ST

Ngày: 23/11/2018

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Như Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu

2. Ông Ngô Hữu Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Lê Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2018/QĐST-DS ngày 2 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 230/2018/QĐST-DS ngày 2 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Tài chính P

Trụ sở: số 37 đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện pháp luật: ông A, sinh năm 1973 – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Ông Trịnh Lâm Khả T (có mặt).

(Theo Văn bản ủy quyền số: 07/2017/TUQ-TGĐ ngày 07/6/2007 và Văn bản ủy quyền số 02/2018/UQTT ngày 09/4/2018)

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng V (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: đường J, Tổ N, khu phố B, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: đường số 77, Tổ 8, khu phố M, phường Q, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Tài chính P (có ông Trịnh Lâm Khả T đại diện) trình bày:

Ngày 15 tháng 12 năm 2015 Công ty TNHH MTV Tài chính P (gọi tắt nguyên đơn) và ông Nguyễn Hoàng V (gọi tắt bị đơn) có ký hợp đồng tín dụng cá nhân số 10758758. Theo hợp đồng nguyên đơn đồng ý cho bị đơn vay số tiền 33.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, tính từ ngày giải ngân cho bị đơn, lãi suất (tính trên dư nợ giảm dần) là 38%/năm; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân.

Theo thỏa thuận bị đơn phải trả nợ gốc và lãi làm 24 kỳ (1 kỳ = 1 tháng), trả vào ngày 05 hàng tháng, số tiền cụ thể phải trả căn cứ vào phụ lục 2 của hợp đồng như sau: Kỳ đầu là 1.635.500 đồng/ kỳ, từ kỳ thứ 2 đến thứ 23 góp 1.983.800 đồng/ kỳ, kỳ thứ 24 góp 1.982.100 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn 07 kỳ, số tiền tổng cộng đã thanh toán là 13.489.900 đồng (trong đó tiền nợ gốc 7.181.100 đồng, tiền lãi chậm trả là 6.308.800 đồng). Kể từ ngày 05/8/2016 bị đơn không tiếp tục thanh toán theo như thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết, dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nợ, yêu cầu thanh toán.

Ngày 10/4/2018 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng số tiền còn nợ là: 43.661.700 đồng (Trong đó số tiền gốc: 25.818.900 đồng, tiền lãi: 7.952.400 đồng, tiền phạt chậm trả: 9.910.000 đồng). Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, là buộc bị đơn phải thanh toán tổng cộng số tiền còn nợ là: 43.661.700 đồng (Trong đó số tiền gốc: 25.818.900 đồng, tiền lãi: 7.952.400 đồng, tiền phạt chậm trả: 9.910.000 đồng), tại buổi hòa giải ngày 05/10/2018 nguyên đơn có yêu cầu tính thêm phần tiền phạt chậm trả tính đến ngày 5/10/2018 là 16.429.448 đồng, nay nguyên đơn không yêu cầu thêm tiền phạt chậm trả nữa. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ trên mà không yêu cầu chủ thể thứ ba nào khác có nghĩa vụ liên đới trả số nợ trên.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn: Không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vì vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ngày 15 tháng 12 năm 2015 nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng tín dụng cá nhân số 10758758, số tiền vay là 33.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, tính kể từ ngày giải ngân ngày 15/12/2015, lãi suất (tính trên dư nợ giảm dần) là 38%/năm; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn 07 kỳ, số tiền tổng cộng đã thanh toán là 13.489.900 đồng (tiền gốc 7.181.100 đồng, tiền lãi chậm trả là 6.308.800 đồng). Kể từ ngày 05/8/2016 bị đơn bị đơn không tiếp tục thanh toán theo như hợp đồng đã ký kết, dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu thanh toán.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc: 25.818.900 đồng, số tiền lãi: 7.952.400 đồng, tiền phạt chậm trả tính đến ngày 05/4/2018: 9.910.000 đồng. Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực.

Theo hợp đồng các bên thỏa thuận lãi suất (tính trên dư nợ giảm dần) là 38%/năm và theo phụ lục 2 hợp đồng các bên thỏa thuận phạt chậm trả nợ: Lãi suất phạt bằng 150% của lãi suất quy định tại Hợp đồng, tính trên phần nợ gốc quá hạn. Nguyên đơn có chức năng hoạt động tín dụng nên phần lãi suất tuy cao hơn so với quy định và mức lãi suất tính đúng theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Do vậy, yêu cầu về tiền lãi và tiền phạt chậm trả của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Án phí, bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Tài chính P khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng cá nhân số 10758758 đã ký kết với nguyên đơn, đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Hoàng V các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Căn cứ hợp đồng tín dụng cá nhân số 10758758 ngày 15/12/2015; Giấy nhận nợ ngày 15/12/2015, các bên thỏa thuận như sau: Nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 33.000.000 đồng, hình thức bảo đảm: tín dụng, lãi vay: được tính trên số dư nợ theo lãi suất cho vay do nguyên đơn ban hành tại từng thời điểm, hiệu lực thẻ: 24 tháng kể từ ngày 15/12/2015, mức lãi suất 38% / năm.

Theo thỏa thuận bị đơn thanh toán trong 24 kỳ (tương đương 24 tháng; 1 kỳ = 1 tháng), góp kỳ đầu là 1.635.500 đồng/ kỳ, từ kỳ thứ 2 đến thứ 23

góp 1.983.800 đồng/ kỳ, kỳ thứ 24 góp 1.982.100 đồng. Bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn 07 kỳ, số tiền tổng cộng đã thanh toán là 13.489.900 đồng (trong đó tiền gốc 7.181.100 đồng, tiền lãi chậm trả là 6.308.800 đồng). Kể từ ngày 05/8/2016 bị đơn không tiếp tục thanh toán theo như hợp đồng đã ký kết, dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu thanh toán. Do đó, ngày 10/4/2018, nguyên đơn đã khởi kiện tại tòa án nhân dân Quận 7 yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn theo đơn kiện.

Tại phiên tòa nguyên đơn xác nhận vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng số tiền còn nợ là: 43.681.700 đồng trong đó số tiền gốc: 25.818.900 đồng, tiền lãi: 7.952.400 đồng, tiền phạt chậm trả tính đến ngày 05/4/2018: 9.910.000 đồng, trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực. Kể từ sau ngày 5/10/2018, bị đơn ông Nguyễn Hoàng V còn phải trả cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV Tài chính P tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cá nhân ký ngày 15/12/2015 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

- Xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn đã phát hành các thông báo yêu cầu thanh toán, nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên ngày 5/8/2016 nguyên đơn chuyển toàn bộ dư nợ sang thành nợ quá hạn là đúng quy định của pháp luật.

- Xét, tại Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10758758 ngày 15/12/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn quy định như sau:

“4.3 Phạt chậm trả nợ:

a. Phạt chậm trả nợ sẽ được áp dụng cho khoản nợ gốc quá hạn với mức lãi suất bằng 150% (Một trăm năm mươi phần trăm) của lãi suất ghi trên Hợp đồng (tính từ ngày đến hạn phải thanh toán cho đến ngày thực trả đầy đủ số nợ gốc quá hạn).

b. Phí phạt chậm trả nợ:

Đối với mỗi lần thanh toán trễ hạn, Bên vay cam kết chịu phạt một khoản tiền do Bên cho vay quy định tại Biểu phí áp dụng cho sản phẩm Vay tiêu dung các nhân. Biểu phí này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định của Bên cho vay lại từng thời điểm.”

Căn cứ Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “*bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

Tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

Tại Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định: *Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng.*

Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/7/2018: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1981 có hộ khẩu thường trú tại: đường J, Tổ N, khu phố B, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng thực tế không cư ngụ tại địa chỉ trên

Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/8/2018: Xác minh tại Địa chỉ cư trú: đường số 77, Tổ 8, khu phố M, phường Q, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự Nguyễn Hoàng V thực tế cư ngụ tại địa chỉ trên.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến địa chỉ trên cho bị đơn ông Nguyễn Hoàng V. Tuy nhiên ông V không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông V đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tổng cộng 43.681.700 đồng (trong đó số tiền gốc: 25.818.900 đồng, tiền lãi: 7.952.400 đồng, tiền phạt chậm trả tính đến ngày 05/4/2018: 9.910.000 đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện không tính tiền phạt chậm trả của nguyên đơn đối với bị đơn trong khoản thời gian từ ngày 06/4/2018 đến ngày 05/10/2018 tương đương với số tiền 16.429.488 đồng.

[2.2] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài từ ngày 5/8/2016 cho đến nay, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hoàng V.

[2] Về nội dung:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Tài chính P

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng V phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV Tài chính P số tiền còn nợ tổng cộng 43.681.700 đồng (Bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi một ngàn bảy trăm đồng), trong đó số tiền gốc: 25.818.900 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm mười tám ngàn chín trăm đồng), tiền lãi: 7.952.400 đồng (Bảy triệu chín trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm đồng), tiền phạt chậm trả tính đến ngày 05/4/2018: 9.910.000 đồng (Chín triệu chín trăm mười ngàn đồng). Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Kể từ sau ngày 5/10/2018, bị đơn ông Nguyễn Hoàng V còn phải trả cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV Tài chính P tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cá nhân ký ngày 15/12/2015 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.184.085 đồng (Hai triệu một trăm tám mươi bốn ngàn không trăm tám mươi lăm đồng).

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Tài chính P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV Tài chính P số tiền 1.092.043 đồng (Một triệu không trăm chín mươi hai ngàn không trăm bốn mươi ba) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số AA/2017/0025393 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Tài chính P được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK Lê Anh).

Trương Như Thủy